

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN

NGUYỄN PHƯƠNG ANH
Công ty TNHH Tuệ An Law

Nhận bài ngày 12/12/2025. Sửa chữa xong 12/01/2026. Duyệt đăng 22/01/2026.

Abstract

The legal status of shareholders in joint-stock companies is a key component of Vietnam's enterprise law. Although substantial efforts have been made to refine the legal framework, practical enforcement in Vietnam continues to reveal significant shortcomings. Based on an assessment of the current legal landscape, this article proposes amendments to existing provisions concerning the establishment and termination of shareholder status, as well as shareholders' rights and obligations in joint-stock companies.

Keywords: Joint-stock company shareholders, legal status, legal practice.

1. Đặt vấn đề

Trong mô hình công ty cổ phần, cổ đông là chủ thể trung tâm quyết định sự hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần vì vậy giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong pháp luật doanh nghiệp, vừa là cơ sở pháp lý xác lập địa vị pháp lý của cổ đông, vừa là công cụ bảo đảm sự vận hành ổn định, minh bạch và hiệu quả của công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường. Thông qua việc ghi nhận và điều chỉnh quy chế pháp lý của cổ đông, pháp luật không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư mà còn góp phần bảo đảm trật tự quản trị doanh nghiệp, cân bằng lợi ích giữa các nhóm cổ đông và nâng cao mức độ an toàn pháp lý cho các giao dịch liên quan đến cổ phần.

Xét về nội dung, quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần thường bao gồm ba nhóm vấn đề cơ bản:

Một là các quy định pháp luật về xác lập và chấm dứt tư cách cổ đông công ty cổ phần. Đây là những quy định xác định rõ điều kiện về năng lực pháp luật, năng lực hành vi của các cá nhân, tổ chức mong muốn trở thành cổ đông công ty cổ phần. Ngoài ra, các quy định pháp luật này cũng chỉ rõ thời điểm pháp lý cũng như thủ tục pháp lý để xác lập hay chấm dứt tư cách cổ đông công ty.

Hai là các quy định pháp luật về quyền của cổ đông trong công ty cổ phần bao gồm các quyền mang tính kinh tế và quyền về quản trị công ty. Quy chế pháp lý này sẽ làm sáng tỏ các hành vi pháp luật mà các cổ đông được lựa chọn thực hiện trong thực tế, một số lợi ích chính đáng mà các cổ đông được hưởng khi tham gia trở thành thành viên công ty cũng như cơ chế bảo đảm thi hành.

Ba là các quy định pháp luật về nghĩa vụ của cổ đông trong công ty cổ phần. Việc phân tích những quy định này góp phần làm rõ các hành vi pháp luật mà cổ đông không bắt buộc thực hiện và bắt buộc phải thực hiện trong thực tế. Nếu họ thực hiện không đúng, không đủ hoặc không thực hiện thì quy chế pháp lý sẽ xác định những hậu quả pháp lý bất lợi họ phải gánh vác cùng cơ chế đảm bảo thi hành.

Mặc dù pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua đã có nhiều sửa đổi, bổ sung theo hướng tiệm cận các chuẩn mực quản trị công ty hiện đại và tăng cường bảo vệ quyền của cổ đông, song thực tiễn thi hành cho thấy quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần vẫn còn bộc lộ không ít bất cập. Một số quy định liên quan đến việc xác lập và chấm dứt tư cách cổ đông chưa thực sự rõ ràng

Email: ngphuonganh793@gmail.com

và thống nhất, dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn. Bên cạnh đó, cơ chế bảo đảm thực thi quyền của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, còn hạn chế; việc xác định và xử lý vi phạm nghĩa vụ của cổ đông trong nhiều trường hợp chưa bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả. Trong bối cảnh đó, bài viết nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện các quy định pháp luật về quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần, trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng, nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần

2.1.1. Xác lập và chấm dứt tư cách cổ đông

Luật Doanh nghiệp năm 2020 trao quyền cho cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước được trở thành cổ đông công ty cổ phần (CTCP), với điều kiện phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý nhất định, bao gồm việc không thuộc các đối tượng bị cấm góp vốn, đầu tư, cũng như phù hợp với đặc điểm của từng loại cổ đông và phương thức xác lập tư cách cổ đông. Theo quy định, tư cách cổ đông trong CTCP có thể được hình thành theo bốn phương thức: tham gia thành lập, mua cổ phần của CTCP và nhận chuyển nhượng, tặng cho, thanh toán nợ hoặc hưởng thừa kế từ cổ đông hiện hữu của công ty. Dù xác lập bằng phương thức nào, các chủ thể chỉ được công nhận tư cách cổ đông kể từ thời điểm thông tin của cá nhân, tổ chức đó được ghi vào sổ đăng ký cổ đông theo khoản 5 Điều 113, khoản 4 Điều 124 và khoản 6 Điều 127 Luật Doanh nghiệp. Có vai trò quan trọng như vậy, nhưng hiện nay pháp luật doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn còn thiếu chế tài xử lý CTCP trong trường hợp công ty cổ tình trì hoãn việc cập nhật sổ đăng ký cổ đông, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích cũng như tài sản của cả cổ đông cũ lẫn các cá nhân, tổ chức mong muốn trở thành cổ đông công ty [8].

Bên cạnh việc xác lập tư cách cổ đông, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng có quy định một cách chi tiết về những trường hợp chấm dứt tư cách này của các chủ thể. Theo Luật Doanh nghiệp, hoạt động này có thể xảy ra theo ba phương thức: 1) Do ý chí của cổ đông như chuyển nhượng, tặng cho hoặc yêu cầu công ty mua lại cổ phần; 2) Do ý chí của công ty tiến hành khai trừ cổ đông có hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty; 3) Do sự kiện pháp lý như cổ đông qua đời, tổ chức chấm dứt sự tồn tại, công ty tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản.

2.1.2. Quyền của cổ đông

Quyền cổ đông là quyền của chủ thể sở hữu cổ phần của CTCP, phát sinh từ việc chủ thể góp vốn mua cổ phần tạo nên vốn điều lệ. Đây là một loại quyền đặc biệt được xác lập thông qua việc sở hữu số lượng cổ phần nhất định và thực hiện trên một chủ thể độc lập – pháp nhân công ty cổ phần.

Quyền của cổ đông khá đa dạng và gắn liền với các hoạt động kinh doanh của công ty. Trong đó, nếu căn cứ vào tính chất kinh tế thì có thể khái quát quyền cổ đông thành hai nhóm theo quy định từ Điều 113 đến Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020 [5, tr. 53-58].

Một là, nhóm quyền về kinh tế bao gồm: Quyền hưởng cổ tức; quyền ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông; quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần; quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; quyền được nhận tài sản khi công ty giải thể hoặc phá sản. Đây là các quyền có vai trò quan trọng, góp phần mang lại cho cổ đông những lợi ích vật chất làm thỏa mãn mục đích đầu tư.

Hai là, nhóm quyền về quản trị công ty bao gồm: Quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; quyền tiếp cận thông tin; quyền khởi kiện. Nhóm quyền này là các quyền cần thiết được thực hiện nhằm bảo đảm quyền mang tính kinh tế của cổ đông.

Nhìn chung, các quy định pháp luật về quyền cổ đông CTCP đã đạt được những thành tựu nổi bật và ngày càng đảm bảo tốt hơn lợi ích của các chủ thể so với những văn bản đã ban hành trước đó. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2020 vẫn còn một số bất cập, hạn chế. Cụ thể như sau:

(i) Đối với các trường hợp công ty không chia hoặc chậm chi trả cổ tức quá thời gian quy định, chế tài cho việc này vẫn chưa được quy định cụ thể, bởi đây là việc nội bộ của mỗi doanh nghiệp, pháp luật không can thiệp quá sâu. Nghị định 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư có đề cập đến các hành vi sai phạm của công ty cổ phần tại Điều 52 như bổ nhiệm người không được quản lý doanh nghiệp giữ các chức danh quản lý doanh nghiệp, bổ nhiệm người không đủ điều kiện làm Giám đốc/Tổng giám đốc,... nhưng lại không hề nhắc tới các hình thức xử phạt hành chính xung quanh vấn đề liên quan đến cổ tức. Do đó, để có thể bảo vệ quyền lợi của mình, các cổ đông chỉ có thể áp dụng biện pháp phù hợp nhất là khởi kiện để yêu cầu công ty trả cổ tức vì đây là một khoản nợ với nhà đầu tư. Lý thuyết như vậy nhưng trên thực tế, việc khởi kiện được đánh giá khó khả thi bởi thủ tục tố tụng thường phức tạp, thời gian bỏ ra thua kiện không ít khiến các cổ đông nản lòng; hầu hết các công ty chậm trả cổ tức đều đang gặp khó khăn về dòng tiền, việc thực hiện nghĩa vụ nhà nước, trả lương cho nhân viên,... vẫn được ưu tiên hơn so với cổ đông. Chính vì lý do trên mà hiện nay, nhiều doanh nghiệp vẫn tiếp tục “chây ì” trong việc thực hiện trách nhiệm đối với nhà đầu tư, các cổ đông thì chỉ biết rút kinh nghiệm nếu muốn lựa chọn một cổ phiếu để mua vào với tiêu chí nhận cổ tức, cần phải xem xét kỹ lịch sử thanh toán và dòng tiền của doanh nghiệp để tránh ôm cục tức khi liên tục bị hụt nợ [7, tr.8].

(ii) Theo điểm a khoản 1 Điều 115, mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết nên có thể hiểu, khi cổ đông sở hữu càng nhiều cổ phần thì quyền biểu quyết của họ càng lớn. Quy định này không chỉ làm xuất hiện tình trạng các công ty cổ phần ngó lơ cổ đông nhỏ lẻ, chỉ tập trung vào ý kiến, quan điểm hay lá phiếu biểu quyết của những cổ đông lớn mà còn có thể dẫn đến việc cổ đông lớn lạm dụng quyền, cổ tình thông qua hoặc không thông qua một quyết định nào đó làm ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty và lợi ích của các cổ đông còn lại.

(iii) Không phải cổ đông nào cũng có quyền khởi kiện mà chỉ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông mới được nắm giữ quyền này. Trên thực tiễn, việc các cổ đông nhóm lại với nhau để tạo thành 01% là điều không dễ dàng, đặc biệt là trong những công ty có số vốn lớn. Tuy quy định này đã tạo ra nhiều rào cản để cổ đông trong công ty cổ phần thực hiện quyền khởi kiện của mình nhưng không thể phủ nhận, điều khoản trên cũng có vai trò to lớn trong việc hạn chế tình trạng cổ đông lạm dụng quyền khởi kiện để gây náo loạn, ảnh hưởng đến sự vận hành và phát triển của công ty. Trong những trường hợp lạm dụng quyền này, động cơ của cổ đông thường có hai dạng: Nhằm mục đích kinh tế, chẳng hạn như cổ đông bằng việc đưa ra ý kiến phản đối đến thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hy vọng sẽ thu lại được lợi ích kinh tế nào đó; hoặc nhằm mục đích phi kinh tế, như bán danh tiếng, mở rộng quyền phát ngôn trong công ty [6, tr. 35-40].

(iv) Theo khoản 2 Điều 115, Luật Doanh nghiệp hiện hành đã loại trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty ra khỏi phạm vi quyền tiếp cận thông tin của cổ đông, tức là cổ đông sẽ không có quyền tiếp cận loại tài liệu trên. Tuy nhiên, vấn đề thế nào là bí mật thương mại trong trường hợp này vẫn chưa được pháp luật quy định rõ. Đối chiếu với luật chuyên ngành là Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, văn bản này mới chỉ xác định cụ thể bí mật kinh doanh là “*thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh*” tại khoản 23 Điều 4 mà không hề đề cập đến định nghĩa về bí mật thương mại.

2.1.3. Nghĩa vụ của cổ đông

Bên cạnh việc quy định quyền cho các cổ đông, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng ràng buộc chủ thể này với một số nghĩa vụ nhất định tại Điều 119:

Một là, cổ đông phải thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần đã cam kết mua. Dù mua cổ phần khi công ty mới thành lập hoặc khi công ty tiến hành chào bán cổ phần nhằm tăng vốn điều lệ, cổ đông đều phải nghiêm túc thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần mình đã cam kết mua cho công ty. Việc thực hiện nghĩa vụ trên không chỉ góp phần đảm bảo quyền lợi của chính các cổ đông, giúp cho những cá nhân, tổ chức này có khả năng tham gia vào hoạt động quản trị công ty và hưởng các lợi ích kinh tế khi tư cách thành viên của họ chính thức được thừa nhận mà còn hỗ trợ công ty vận hành thống nhất

với nguồn lực tài chính ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu vốn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và kế hoạch phát triển trong tương lai. Trong trường hợp các cá nhân, tổ chức không thực hiện đúng nghĩa vụ trên, chủ thể này có thể phải gánh chịu những hậu quả pháp lý được quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2020 như không được công nhận là cổ đông hợp pháp và không có khả năng thực hiện các quyền cổ đông liên quan, phải chịu trách nhiệm tương ứng với mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ,...

Hai là, cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông khỏi công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi được công ty hoặc người khác mua lại. Do công ty cổ phần là một pháp nhân có tài sản riêng độc lập với tài sản của các thành viên đã tạo lập ra nó nên khi một người đã góp vốn vào công ty cổ phần, họ sẽ không có quyền rút vốn ra khỏi công ty bởi phần vốn góp của họ đã trở thành tài sản của công ty mà không còn thuộc quyền sở hữu của riêng họ. Nếu cổ đông tự ý rút vốn đã góp trái pháp luật thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Ba là, cổ đông có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Đây đều là những văn bản quan trọng có tính ràng buộc pháp lý đối với tất cả các cổ đông, được sử dụng để điều chỉnh những vấn đề về cách thức tổ chức, vận hành công ty và có vai trò bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả các bên liên quan. Đã là thành viên công ty thì phải chấp hành nghiêm chỉnh các “*luật lệ*” của công ty, việc tuân thủ và thực hiện nghĩa vụ trên sẽ góp phần bảo vệ quyền lợi chung cho cả công ty và các cổ đông, ngăn chặn tình trạng xung đột nội bộ hay kiện tụng pháp lý có thể xảy ra [1, tr. 65].

Bốn là, cổ đông có nghĩa vụ bảo mật thông tin do công ty cung cấp theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Quy định này không chỉ đảm bảo sự ổn định và lợi thế cạnh tranh của công ty trong môi trường kinh doanh mà còn giúp cho cổ đông công ty tránh khỏi những rủi ro pháp lý có khả năng phải gánh vác nếu có hành vi phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác trái pháp luật.

Năm là, ngoài các nghĩa vụ trên, cổ đông CTCP còn phải thực hiện nhiều nghĩa vụ khác như: chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn đã góp (Điều 111), thông báo kịp thời sự thay đổi về địa chỉ liên lạc với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông (Điều 122), nghĩa vụ hoàn trả lại cho công ty số tiền mua cổ phần, số cổ tức đã nhận trái với quy định pháp luật (Điều 136),... Ngoài ra, theo Điều lệ của một số công ty, cổ đông có thể được quy định thêm nghĩa vụ bảo vệ lợi ích và uy tín của công ty; cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác; nghĩa vụ chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp [2, tr. 54].

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần

2.2.1. Cần nhắc bổ sung chế tài xử lý đối với hành vi công ty cổ phần cố tình không cập nhật sổ đăng ký cổ đông gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản và lợi ích của cả cổ đông cũ lẫn những cá nhân, tổ chức có mong muốn trở thành cổ đông công ty. Đây là quy định nếu được xây dựng sẽ không chỉ khắc phục được những bất cập, hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về cổ đông công ty cổ phần ở Việt Nam mà còn có khả năng đảm bảo sự phù hợp về mặt pháp lý với những văn bản pháp luật của các nước khác trên thế giới. Chẳng hạn, ở Anh, Đạo luật Công ty nước này tại khoản 4 Điều 113 đã ghi nhận “*Nếu công ty cổ phần không tuân thủ các quy định liên quan đến việc duy trì và cập nhật sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều này thì công ty và các cán bộ có liên quan đến hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo thủ tục xét xử giản lược và có thể bị phạt tiền không vượt quá mức 3 theo thang tiêu chuẩn*” hoặc khoản 5 Điều 88 Luật Công ty Ấn Độ cũng có quy định “*Nếu một công ty không duy trì sổ đăng ký thành viên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, công ty sẽ phải chịu phạt ba trăm nghìn rupee và mọi cán bộ có liên quan của công ty vi phạm sẽ phải chịu phạt năm mươi nghìn rupee*”.

2.2.2. Cần xây dựng nhanh chóng và kịp thời một cơ chế tốt hơn và hiệu quả hơn để bảo vệ quyền nhận cổ tức của cổ đông. Ngoài quyền khởi kiện khó có khả năng thực thi trên thực tiễn, cơ quan quản lý

nhà nước cần ban hành thêm những quy định xử lý nghiêm đối với trường hợp công ty cổ tình thực hiện các hành vi xâm phạm đến quyền hưởng cổ tức của cổ đông. Một số nhà đầu tư kiến nghị nên thiết lập một mức phạt tài chính đủ lớn và áp dụng chế tài cấm kinh doanh hoặc cấm tham gia thị trường để đảm bảo rằng doanh nghiệp sẽ chịu hậu quả nếu không thực hiện cam kết trả cổ tức, số khác lại cho rằng phạt doanh nghiệp chính là phạt tiền của cổ đông nên chế tài phải được áp dụng với cá nhân lãnh đạo doanh nghiệp chứ không phải phạt trực tiếp công ty [3, tr. 36-40]. Bên cạnh đó, quy định “trong trường hợp hết hạn 06 tháng nhưng doanh nghiệp vẫn không trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì doanh nghiệp đó sẽ phải trả cổ đông thêm lãi phạt quá hạn tính theo lãi phạt chậm nộp thuế của doanh nghiệp” cũng được nhiều người ủng hộ để bổ sung trong các văn bản pháp luật hiện hành nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của cổ đông. Quy định này vừa tạo áp lực về kinh tế khiến công ty phải thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ với cổ đông, vừa đảm bảo tuy các nhà đầu tư có thể vẫn phải chịu cảnh chờ cổ tức mòn mỏi trong nhiều năm nhưng ít nhất họ còn có thêm phần trả lãi phạt.

2.2.3. Cần nhắc áp dụng quy định giới hạn số phiếu biểu quyết tối đa của mỗi cổ đông để hạn chế tình trạng cổ đông lớn lạm dụng quyền và xâm hại đến lợi ích của cả công ty nói chung và các cổ đông còn lại nói riêng. Đây là quy định đã được ghi nhận tại pháp luật nhiều nước trên thế giới như Điều L225-125 Bộ luật Thương mại Pháp “Điều lệ công ty có thể hạn chế số phiếu bầu mỗi cổ đông có tại các cuộc họp, với điều kiện là hạn chế này được áp dụng cho tất cả các cổ phiếu không phân biệt loại, ngoại trừ cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết”, Điều 7:55 Luật Công ty và Hiệp hội Bỉ “Điều lệ công ty có thể hạn chế số phiếu bầu của mỗi cổ đông tại các cuộc họp, với điều kiện là hạn chế này áp dụng cho tất cả các cổ đông bất kể loại chứng khoán nào mà họ tham gia bỏ phiếu”, Điều 41 Luật Công ty Thụy Điển “Điều lệ công ty có thể quy định một cổ đông không được sử dụng quá một số lượng hoặc tỷ lệ phiếu biểu quyết nhất định, ngay cả khi họ sở hữu lượng lớn cổ phần”,... Tuy nhiên, do việc áp dụng quy định hạn chế số phiếu biểu quyết này có thể dẫn đến hậu quả là quyền lợi của cổ đông không được đảm bảo bởi lợi ích họ nhận được không tương xứng phần vốn đã góp vào công ty hay những rủi ro về tài sản mà họ phải gánh vác, pháp luật Việt Nam nên xây dựng quy định này theo hướng giống với pháp luật các nước: Cho phép nhưng không bắt buộc việc giới hạn số phiếu biểu quyết, quy định hay không quy định hoàn toàn phụ thuộc vào Điều lệ của từng công ty.

2.2.4. Cần sửa đổi quy định pháp luật hiện hành đối với quyền khởi kiện theo hướng: Cho phép mọi cổ đông dù sở hữu bao nhiêu cổ phần đều có quyền tự mình khởi kiện người quản lý công ty và chỉ khi nhân danh công ty khởi kiện, cổ đông mới cần nắm giữ một tỷ lệ cổ phần nhất định. Quy định này sẽ cho phép mọi cổ đông đều có quyền khởi kiện người quản lý khi lợi ích cá nhân của họ bị xâm phạm và chỉ khi khởi kiện nhân danh công ty, cổ đông mới cần phải sở hữu số lượng cổ phần nhất định để đảm bảo những chủ thể thực hiện quyền khởi kiện này đều là những tổ chức, cá nhân thực sự gắn bó và quan tâm đến sự phát triển dài hạn của công ty, tránh trường hợp cổ đông lợi dụng quyền khởi kiện nhằm kiện tụng bừa bãi để thỏa mãn động cơ cá nhân [7, tr. 14-18].

2.2.5. Các nhà làm luật cần xây dựng quy định hướng dẫn thống nhất về bí mật thương mại, làm rõ loại bí mật này khác hay giống với bí mật kinh doanh nhằm đảm bảo khả năng thực thi pháp luật trên thực tiễn và ngăn chặn tình trạng CTCP lợi dụng kẽ hở của pháp luật để hạn chế vô lý quyền tiếp cận thông tin của cổ đông. Ngoài ra, để cổ đông có thể thực hiện quyền này một cách hiệu quả hơn nữa, phạm vi tài liệu bị loại trừ cũng cần được xác định cụ thể hơn. Một tài liệu, chẳng hạn như một bản hợp đồng nào đó phải được Hội đồng quản trị thông qua, có thể chứa đựng bí mật thương mại, bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, thông tin mà cổ đông cần biết trong tài liệu đó có thể là những thông tin khác, không phải bí mật thương mại, bí mật kinh doanh. Việc loại trừ toàn bộ nội dung của tài liệu ấy là không cần thiết, bất hợp lý và thu hẹp quyền tiếp cận thông tin của cổ đông[4].

3. Kết luận

Qua việc phân tích các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và thực tiễn áp dụng, bài viết cho thấy pháp luật Việt Nam đã có nhiều bước tiến trong việc ghi nhận địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống quy định hiện hành vẫn còn tồn

tại không ít hạn chế, đặc biệt trong việc xác lập và chấm dứt tư cách cổ đông, cơ chế bảo đảm thực thi quyền của cổ đông và xử lý vi phạm nghĩa vụ của cổ đông. Trên cơ sở đánh giá các bất cập đó, bài viết đã đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng cường trách nhiệm của công ty cổ phần trong quản lý sổ đăng ký cổ đông, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền hưởng cổ tức, hạn chế nguy cơ lạm dụng quyền của cổ đông lớn, mở rộng khả năng tiếp cận cơ chế khởi kiện của cổ đông và làm rõ phạm vi bí mật thương mại nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần không chỉ góp phần nâng cao mức độ bảo vệ nhà đầu tư mà còn tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc cải thiện quản trị công ty, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường doanh nghiệp ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Minh Nguyệt (2010). *Bảo vệ quyền lợi của cổ đông trong công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [2] Hồ Thanh Sơn (2015). *Quy chế pháp lý của cổ đông công ty cổ phần*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ.
- [3] Lê Thanh Sơn, Đồng Thái Quang (2022). *Giải pháp bảo vệ quyền của cổ đông trong công ty cổ phần*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10 (458).
- [4] Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2024). *VCCI góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp*. Nguồn: https://vibonline.com.vn/bao_cao/vcci_gop-y-de-nghi-xay-dung-luat-doanhnghiep truy cập ngày 26/12/2025.
- [5] Ngô Viễn Phú (2003). *Bàn về tính chất của quyền cổ đông*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 12 (12).
- [6] Nguyễn Văn Lâm (2024). *Bàn về sự lạm dụng quyền của cổ đông trong CTCP ở Việt Nam*. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 1 (396).
- [7] Nguyễn Thị Thu Hương (2023). *Bảo đảm quyền khởi kiện của cổ đông trong công ty cổ phần ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 11 (393).
- [8] Nguyễn Nhật Dương (2024). *Chứng thư pháp lý ghi nhận tư cách cổ đông của công ty: Quan trọng nhưng vẫn bị xem nhẹ*. Tạp chí điện tử Pháp lý, <https://phaply.net.vn/chung-thu-phap-ly-ghi-nhan-tu-cach-co-dongcua-cong-ty-quan-trong-nhung-van-bi-xem-nhe-a258418.html> truy cập ngày 26/12/2025.
- [9] Thùy Linh (2024). *Vui buồn mùa Đại hội cổ đông*. Báo Nhân dân, số 25603.

BÌNH LUẬN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015...

Tiếp theo trang 235

3. Kết luận

Với thực trạng các quy định nêu trên về chấm dứt quyền hưởng dụng, có thể thấy các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa hoàn thiện. Các luật chuyên ngành cũng chưa chú trọng điều chỉnh về quyền hưởng dụng, do đó đến nay quyền hưởng dụng chưa phải là quyền được thực hiện phổ biến, mặc dù đây là một quyền năng có thể tạo ra các giá trị vật chất lớn cho nền kinh tế và có tính đảm bảo sự ổn định, có cơ chế bảo vệ quyền hiệu quả. Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chấm dứt quyền hưởng dụng là cấp thiết, thể hiện sự bảo đảm của pháp luật với việc xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự nói chung cho các chủ thể trong giao lưu dân sự.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Văn Đại (2016). *Bình luận khoa học Những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*. NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Lê Minh Hùng (chủ biên, 2024). *Quyền hưởng dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam và các nước trên thế giới*. NXB Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Lê Đăng Khoa (2018). *Hệ thống các vật quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Thúy, Lê Minh Khoa (2017). *Quyền hưởng dụng – Từ góc độ pháp luật dân sự Pháp đến kinh nghiệm cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học pháp lý số 08 (111).
- [5] Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2017). *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [6] Phạm Hữu Đạt (2021). *Quyền hưởng dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam*. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 49.
- [7] Phùng Trung Tập (2021). *Một số khía cạnh của vật quyền hưởng dụng*. Tạp chí Kiểm sát, số 10.